

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày 05/5/2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Hoàng Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lý, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 348/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị B, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2020): Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Tất T, thị trấn Đắk M, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị L, địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 của nguyên đơn, tại phiên Hòa giải và tại phiên tòa, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nhau, nhiều lần nguyên đơn cho bị đơn vay tiền để giải quyết công việc cá nhân. Đến ngày 12 tháng 9 năm 2019 hai bên chốt lại nợ và lập biên bản xác nhận bà Trần Thị L còn nợ bà Phan Thị B số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Khi lập giấy, hai bên không thỏa thuận lãi suất; hạn trả nợ là ngày 19/10/2019. Sau đó, bà L đã trả cho bà B được 6.000.000 đồng. Đến nay, số tiền còn lại vì bà L không trả nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk S xem xét giải quyết để buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị B với số tiền là 36.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định tính từ ngày 19/10/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị B số nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 19/10/2019 là 0,83%/tháng.

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa bà Trần Thị L trình bày:*

Trong thời gian quen biết nhau, có nhiều lần bà L vay tiền của bà B về sử dụng. Đến ngày 12 tháng 9 năm 2019 hai bên ngồi thống nhất lại khoản nợ và bà L viết giấy nhận nợ bà B số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), trong đó 30.000.000 đồng nợ gốc và 6.000.000 đồng nợ lãi; hai bên thỏa thuận miệng với nhau trong vòng 100 ngày mỗi ngày bà L phải trả là 360.000 đồng cho bà B. Khi viết giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận lãi suất. Trong thời gian thỏa thuận trả nợ bà L đã trả được cho bà B được 6.000.000 đồng. Sau đó, do bà L bị bệnh nên không tiếp tục trả tiền cho bà B được. Bà L có khát nợ nhưng bà B hù dọa sẽ cho xã hội đen lên chợ đánh và tông xe chết nên bà L không dám đi đâu, không làm ra tiền để trả cho bà B. Nay bà B khởi kiện bà L ra Tòa án nhân dân huyện Đắk S nhưng vì điều kiện gia đình khó khăn nên xin trả dần số tiền trên cho bà B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành đối chất liên quan đến số tiền gốc, tiền lãi giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng các được sự vẫn bảo lưu lời trình bày của mình.

Trong phần tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị B số nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 19/10/2019 là 0,83%/tháng. Bị đơn đồng ý với khoản nợ gốc là 30.000.000 đồng và xin trả dần số tiền trên cho bà B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có lập bản tự khai. Tuy nhiên, không ký vào biên bản làm việc của phiên giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải lần 01 và không đến phiên Hòa giải lần 02 mà không có lý do.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị B số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đình chỉ một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra, đại diện VKS còn phát biểu về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị L cư trú tại: Tổ dân phố 6, TT Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 12/9/2019 bà Trần Thị L có lập giấy vay tiền với bà Phan Thị B, trong giấy vay tiền thể hiện đến ngày 19/10/2019 bà L phải trả toàn bộ số tiền này cho bà Phan Thị B. Do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự lập giấy vay tiền đề ngày 12/9/2019, thỏa thuận ngày 19/10/2019 bị đơn phải trả toàn bộ số tiền cho nguyên đơn. Ngày 07/10/2020 bà Phan Thị B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, giao nhận các thủ tục cho các đương sự hợp lệ. Tuy nhiên, trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải các đương sự không thống nhất được với nhau về thời gian trả tiền. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét giấy nhận nợ lập ngày 12/09/2019, thể hiện bà Trần Thị L có vay của bà Phan Thị B số tiền là 36.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 19/10/2019; trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, bà Trần Thị L đã không trả nợ cho bà Phan Thị B theo như thỏa thuận. Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Nguyên đơn trình bày là cho bị đơn vay số tiền gốc là 36.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/9/2019. Đối với việc bị đơn trình bày chỉ vay của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận lãi suất 6.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền theo giấy nhận nợ lập ngày 12/9/2019 là 36.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng các đương sự bảo lưu lời trình bày của mình. Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ tài liệu về việc trình bày của bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không đưa ra chứng cứ, chứng minh được trong giấy nhận nợ lập ngày 12/9/2019 đối với số

tiền 36.000.000 đồng là bao gồm cả gốc và lãi để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn số tiền 36.000.000 đồng và lập giấy ngày 12/9/2019 là có cơ sở. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự để giải quyết buộc bà L phải trả cho bà B số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng mới bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Về lãi suất: Do trong giấy xác nhận lập ngày 12/9/2021 các đương sự không thỏa thuận lãi suất, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 19/10/2019) là 0,83%/tháng, tính tròn 18 tháng x 30.000.000 đồng = 4.482.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng các đương sự thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, việc vay tiền diễn ra giữa bà B và bà L, bà B chỉ yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả tiền. Ông Nguyễn Văn L1 (chồng bà L) không biết và cũng không liên quan gì đến việc vay số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn L2 đối với bà Phan Thị B.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần đình chỉ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị L phải thanh toán cho bà Phan Thị B số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà Trần Thị L phải nộp toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 34.482.000 đồng x 5% = 1.724.100 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B.

- Buộc bà Trần Thị L phải thanh toán cho bà Phan Thị B số tiền 34.482.000 đồng (Ba mươi tư triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.482.000 đồng (bốn triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nợ gốc do nguyên đơn rút yêu cầu.

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền yêu cầu chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự).

*** Về án phí:** Buộc bà Trần Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.724.100 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm đồng).

Hoàn trả bà Phan Thị B số tiền là 967.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0001887 ngày 13 tháng 10 năm 2020.

*** Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm